

Bản án số: 2162024/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 8 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Phạm Việt Hưng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Huệ L, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: Ấp T L B, xã Tân Dân, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Trần Minh Đ, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: Ấp T L B, xã T D, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị Phạm Huệ L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh Đ kết hôn vào năm 2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T D, huyện Đ D hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị L và anh Đ đã ly thân 04 năm nay. Chị L yêu cầu xin ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 người con tên Trần Duy K, sinh năm 2007 và Trần Hoàng K, sinh năm 2011. Khi ly hôn nguyện vọng con ở với ai thì người đó nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung và nợ: Chị L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Minh Đ: Quá trình Toà án triệu tập anh Đ vắng mặt

không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Huệ L có đơn xin từ chối tham gia phiên tòa sơ thẩm và anh Trần Minh Đ đã được Tòa án tiến hành cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L thấy rằng, về nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh, chị bất đồng quan điểm sống, dẫn đến anh chị ly thân thời gian dài 04 năm nay. Tại đơn khởi kiện chị L xác định không thể tiếp tục chung sống với anh Điềm, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn của anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L cho chị Phạm Huệ L được ly hôn với anh Trần Minh Đ.

[3] Về con chung: Đối với hai cháu Duy K và Hoàng K tại đơn ghi nguyện vọng của hai cháu thể hiện là được sống với chị L, do đó cần giao cháu Duy Khang, sinh năm 2007 và Hoàng K, sinh năm 2011 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, việc cấp dưỡng không đặt ra.

[4] Về tài sản chung và nợ: Chị L xác định không có, anh Đ không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 277 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Huệ L. Cho chị Phạm Huệ L được ly hôn với anh Trần Minh Đ.

2. Về con chung: Giao hai cháu Trần Duy K, sinh năm 2007 và Trần Hoàng K, sinh năm 2011 cho chị Phạm Huệ L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Chị Phạm Huệ L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Huệ L phải chịu 300.000 đồng. Chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0001493 ngày 01/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Phạm Huệ L và anh Trần Minh Đ quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D;
- UBND xã T D, huyện Đ D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Ngọc Yên